

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
TRƯỞNG THỐNG KÊ, THỐNG KÊ TỈNH ĐẮK LẮK**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025 của Cục Thống kê về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1191/QĐ-CTK ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Cục trưởng Cục Thống kê Về việc điều chỉnh, giao dự toán NSNN năm 2025;

Theo đề nghị của trưởng phòng Tổ chức- Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Thống kê tỉnh Đắk Lắk (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, các đơn vị và cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban KHTC- CTK;
- Lãnh đạo TKT;
- Lưu :VT,TCHC, KT

TRƯỞNG THỐNG KÊ



Hồ Ngọc Quang



Cục Thống kê
Thống kê tỉnh Đắk Lắk
Chương 018

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 97 ngày 20 /10/2025 của Trưởng Thống kê tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	7.486.000
A	GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (LOẠI 070)	-20.000
I	Đào tạo lại (khoản 085)	-20.000
1	Kinh phí không thường xuyên	-20.000
	Kinh phí chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức	-20.000
B	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN (LOẠI 340)	7.506.000
I	Quản lý nhà nước (Khoản 341)	7.506.000
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	139.000
	Quỹ tiền lương biên chế	139.000
	Điều chỉnh tiền lương do điều chuyển công chức	-14.000
	Bổ sung phụ cấp thu hút	153.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.367.000
	Kinh phí các cuộc điều tra thống kê	1.234.000
	Kinh phí thuê trụ sở	40.000
	Kinh phí thực hiện quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	-2.000
	Kinh phí thực hiện Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp	6.095.000